Biểu mẫu 06

(Kèm theo Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

PHÒNG GD&ĐT PHÚ GIÁO

TRƯỜNG TIỂU HỌC AN BÌNH B

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2015- 2016

Đơn vị: học sinh

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	**Tổng số học sinh**	**784**	**153**	**188**	**171**	**136**	**136**
II	**Số học sinh học 2 buổi/ngày (tỷ lệ so với tổng số)**	784/784 100%	100%	100 %	100 %	100%	100 %
III	**Số học sinh chia theo xếp loại phẩm chất**	**784**	**153**	**188**	**171**	**136**	**136**
1	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	784/784 100%	100%	100 %	100 %	100%	100 %
2	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0					
IV	**Số học sinh chia theo xếp loại năng lực**	**784**	**153**	**188**	**171**	**136**	**136**
1	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	782/784 99.7%	99.3 %	100 %	100 %	99.3 %	100 %
2	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	2/752 0.3%	0.7%			0.7%	
V	**Số học sinh chia theo các môn học**	**784**	**153**	**188**	**171**	**136**	**136**
1	**Tiếng Việt**	**784**	**153**	**188**	**171**	**136**	**136**
a	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	783/784 99.9%	99.3 %	100 %	100 %	100%	100 %
b	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	1/784 0.1%	0.7%				
2	**Toán**	**784**	**153**	**188**	**171**	**136**	**136**
a	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	782/784 99.7%	99.3 %	100 %	100 %	99.3 %	100 %
b	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	3/752 0.4%	1%	0.6%			
3	**Khoa học**	253				136	136
a	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	272/272 100%				100%	100 %
b	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	0					
4	**Lịch sử và Địa lí**	272				136	136
a	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	272/272 100%				100%	100 %
b	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	0					
5	**Tiếng nước ngoài**	**784**	**153**	**188**	**171**	**136**	**136**
a	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	783/784 99.9%	100%	100 %	100 %	99.3 %	100%
b	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	1/784 0.1%				0.7%	
6	**Tiếng dân tộc**						
a	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)						

b	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)						
7	**Tin học**	443			171	136	136
a	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	443/443 100%			100 %	100 %	100%
b	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	0					
8	**Đạo đức**	**784**	**153**	**188**	**171**	**136**	**136**
a	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	784/784 100%	100%	100 %	100 %	100 %	100%
b	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	0					
9	**Tự nhiên và Xã hội**	512	153	188	171		
a	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	512/512 100%	100%	100 %	100 %		
b	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	0					
10	**Âm nhạc**	**784**	**153**	**188**	**171**	**136**	**136**
a	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	784/784 100%	100%	100 %	100 %	100 %	100%
b	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	0					
11	**Mĩ thuật**	**784**	**153**	**188**	**171**	**136**	**136**
a	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	784/784 100%	100%	100 %	100 %	100 %	100%
b	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	0					
12	**Thủ công (Kỹ thuật)**	**784**	**153**	**188**	**171**	**136**	**136**
a	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	784/784 100%	100%	100 %	100 %	100 %	100%
b	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	0					
13	**Thể dục**	**784**	**153**	**188**	**171**	**136**	**136**
a	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	784784 100%	100%	100 %	100 %	100 %	100%
b	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	0					
V	**Tổng hợp kết quả cuối năm**	**784**	**153**	**188**	**171**	**136**	**136**
1	Lên lớp thẳng (tỷ lệ so với tổng số)	782/784 99.7%	99.3%	100 %	100 %	99.3 %	100%
	Trong đó: Học sinh được khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)	309/784 39.4%	39.2%	43.1 %	36.3 %	37.5 %	40.4%
2	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	782/784 99.7%	99.3%	100 %	100 %	99.3 %	100%
3	Kiểm tra lại (tỷ lệ so với tổng số)	2/784 0.3%	1/153 0.7%			1/13 6 0.7%	
4	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	2/784 0.3%	1/153 0.7%			1/13 6 0.7%	
5	Bỏ học (tỷ lệ so với tổng số)	0					
VI	**Số học sinh đã hoàn thành chương trình cấp tiểu học** (tỷ lệ so với tổng số)	136/136 100%					136/1 36100 %

An Bình, ngày 27 tháng 5 năm 2016

Thủ trưởng đơn vị

Lê Thị Lan